

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 25/07/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P4+AMD	7:25	6+16	0+0		1+21	0+0	
2		P6+BK10+P9	7:25	17+0+5	0+0+0		11+0+11	0+0+0	CHUYEN 1 PAX BK10-P9
3		TTCl+P10+CTK3	7:25	13+6+2	0+0+0		9+9+4	0+0+0	
4		P8+P6	9:25	18+4	0+0		9+13	0+0	
5		P7+TTCl+TTCl3	9:25	7+10+5	0+0+0		3+12+6	0+0+0	
6		VSP02+BK6+P2	9:25	8+3+10	0+0+0		6+0+16	0+0+0	
7		P8+RP2+RP3	11:25	12+8+0	0+0+0		14+0+8	0+0+0	
8		VSP01+P5	11:25	10+12	0+0		7+15	0+0	
9		P3+VSP01	11:25	3+19	0+0		0+22	0+0	
10		AMD	13:25	20	0		22	0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/07/2018	TO: P4 - AMD	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MTuấn - NNam	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯƠNG CÔNG THIN	P4	95	1	6	20	69	HDONG	Vietnamese
2	MAI THANH TU	P4	93-94	2	7		67	HDONG	Vietnamese
3	LE THANH LONG	P4	92	1	5		81	HDONG	Vietnamese
4	BUI VAN HA	P4	91	1	6		70	HDONG	Vietnamese
5	TRAN VAN MANH	P4	97	1	5		82	HDONG	Vietnamese
6	NGUYEN HUU THANG	P4	96	1	7		55	HDONG	Vietnamese
7	NGUYEN THANH AN	AMD	29	1	7	35	60	KH-THAC	Vietnamese
8	ZAINAL MUCHTADIN	AMD	34	1	10		66	KH-THAC	Indonesian
9	DO VAN THAO	AMD	36-37	2	18		70	KH-THAC	Vietnamese
10	LE HUY HOANG	AMD	98	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN DUY LAM	AMD	66	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
12	TRINH BICH NGOC	AMD	31-32	2	12		68	KH-THAC	Vietnamese
13	DO THANH HUNG	AMD	89	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
14	DUONG CHI PHONG	AMD	35	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM NGOC THACH	AMD	85	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN HUU LUAT	AMD	33	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN NHU BAO CHUONG	AMD	41	1	7		84	KH-THAC	Vietnamese
18	LE ANH MINH	AMD	40	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN DUC CUONG	AMD	65	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
20	LE PHONG VIEN (PVDT)	AMD	84	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM VAN QUANG	AMD	39	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
22	DAO CONG BINH	AMD	38	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	6	7	36	424	20	1		
2	AMD	16	18	111	1.095	35	21		
TOTAL		22	25	147	1.519	55	22		
WEIGHT KG				147	1.519	55			

GRAND TOAL: 1.721 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/07/2018	TO: TTC1 - P10 - CTK3	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: LBinh - CHIÊN - Toan	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN BẠN	TTC1	08	1	11		69	H-DONG	Vietnamese
2	LÊ HỒNG TRIỆU	TTC1	06	1	8		62	H-DONG	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN AN	TTC1	03	1	5		65	H-DONG	Vietnamese
4	TÔ VŨ DŨNG	TTC1	04	1	6	21	55	H-DONG	Vietnamese
5	LÊ HUYỀN SÂM	TTC1	02	1	13		62	H-DONG	Vietnamese
6	BUI AN	TTC1	07	1	10		77	H-DONG	Vietnamese
7	PHẠM THANH TÙNG	TTC1	05	1	10		84	H-DONG	Vietnamese
8	NGUYỄN ANH THẮNG	TTC1	09	1	8		55	H-DONG	Vietnamese
9	TRẦN TRUNG HIỆU	TTC1	11	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN LINH HOẠT	TTC1	01	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN SƠN TÙNG	TTC1	12	1	3	55	76	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI MẠNH CƯỜNG	TTC1	10	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HÙNG	TTC1	13	1	4		70	GETRACO	Vietnamese
14	LÊ HOÀI THANH	P10	04	1	4		62	YTE	Vietnamese
15	TRẦN MINH BẠCH	P10	02	1	7	14	60	PSV	Vietnamese
16	BUI VĂN QUANG	P10				19	78	PSV	Vietnamese
17	BUI VĂN NGUYỄN	P10	03	1	3		72	PSV	Vietnamese
18	ĐỖ VĂN DƯƠNG	P10	01	1	5		59	PSV	Vietnamese
19	TRẦN VĂN CÂN	P10	05	1	3		75	PSV	Vietnamese
20	DINH MẠNH DỤC	CTK3	50	1	6		70	SBAY	Vietnamese
21	NGUYỄN BÌNH LONG	CTK3	53	1	3	10	77	KH-THAC	Vietnamese
22	MOHD IRWANIZA BAKAR	CTK3	51-52	2	16		95	KH-THAC	Malaysian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	13	13	91	883	76	9		
2	P10	6	5	22	406	33	9		
3	CTK3	3	4	25	242	10	4		
TOTAL		22	22	138	1.531	119	22		
WEIGHT KG				138	1.531	119			

GRAND TOAL: 1.788 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/07/2018	TO: P8 - P6	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:30
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MTuấn - NNam	ETA: 11:10
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BADIKOV M.F.	P8	21	1	10	15	71	KH-THAC	Russian
2	NG. THAI DUONG	P8	23	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN HONG	P8	22	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TRONG HOA	P8	16	1	7		79	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VIET PHUONG	P8	38	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN NHAN	P8	39	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐAO TIEN DAT	P8	13-14	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
8	PHUNG HA TAI	P8	40	1	6		106	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM PHUONG NAM	P8	20	1	4		52	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN ANH TRI	P8					65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN QUOC TANH	P8	24	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
12	THAI QUAN	P8	15	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
13	DUONG TRI NAM	P8					81	KH-THAC	Vietnamese
14	LE NGUYEN NHAT LINH	P8					95	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN QUANG HUY	P8	17	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VINH DUNG	P8	19	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TRI HUNG	P8	18	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN BUI TOAN	P6	99	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN XUAN THUONG	P6	96	1	4	105	83	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN XUAN KHANH	P6	3000	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
21	VU VAN HOAN	P6	98	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN NGO HOAN	P6	97-98	2	10		72	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	17	15	85	1.221	15	9		
2	P6	5	6	24	351	105	13		
TOTAL		22	21	109	1.572	120	22		
WEIGHT KG				109	1.572	120			

GRAND TOAL: 1.801 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/07/2018	TO: P7 - TTC2 - TTC3	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: HUNG - Thủy - MQUÂN	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN XUÂN TÚC	P7	01-02	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN NAM HOÀNG	P7	10-11	2	16		60	XAYLAP	Vietnamese
3	LE HUY KHANH	P7	04-05	2	17		55	XAYLAP	Vietnamese
4	HOANG VAN NAM	P7	03	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM TIẾN ĐẠT	P7	48-49	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐỖ XUÂN HIỆP	P7	07	1	17		72	XAYLAP	Vietnamese
7	HA MẠNH DŨNG	P7	06	1	11		60	XAYLAP	Vietnamese
8	PHÙNG MINH HIỆU	TTC2	29	1	2		78	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC XUÂN	TTC2	19	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ PHƯƠNG	TTC2	28	1	5	42	55	KH-THAC	Vietnamese
11	LƯU VĂN AN	TTC2	32	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM THẾ QUANG	TTC2	41	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ MINH ĐỨC	TTC2	20-21	2	17		80	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC HÙNG	TTC2	22	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC ANH	TTC2	33	1	8		75	NIPI	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH NHAN	TTC2	31	1	8		70	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU NHAN	TTC2	30	1	6		70	PSV	Vietnamese
18	PHẠM VĂN KHƯƠNG	TTC3	68-69	2	17		67	KH-THAC	Vietnamese
19	CHU ĐỨC HÙNG	TTC3	73	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN BÁC	TTC3	70	1	3		52	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TRỌNG TÂN	TTC3	71	1	4	35	70	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN TRUNG KIẾN	TTC3	72	1	5		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	7	11	105	432	0	3		
2	TTC2	10	11	73	691	42	12		
3	TTC3	5	6	33	309	35	6		
TOTAL		22	28	211	1.432	77	21		
WEIGHT KG				211	1.432	77			

GRAND TOAL: 1.720 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/07/2018	TO: VSP02 - BK6 - P2	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: LBinh - CHIEN - Toan	ETA: 11:20
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM HUY DINH	VSP02	25-26	2	12		57	T-TIN	Vietnamese
2	LE CHI CONG	VSP02	27	1	6		92	T-TIN	Vietnamese
3	NGUYEN DUC THANG	VSP02	29	1	5		100	PSV	Vietnamese
4	NGUYEN HONG DUC	VSP02	30	1	6		60	PSV	Vietnamese
5	HAN VAN HIEU	VSP02	32	1	9		71	PSV	Vietnamese
6	NGUYEN VU BA LINH	VSP02	33	1	5		67	PSV	Vietnamese
7	LUONG MANH GIANG	VSP02	31	1	10		63	PSV	Vietnamese
8	LE VAN CHI	VSP02	28	1	3		54	PSV	Vietnamese
9	TRUONG TAN LOI	BK6	17-18	2	13		85	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN HONG QUAN	BK6	19-21	3	16	81	65	XAYLAP	Vietnamese
11	DO MANH HUNG	BK6	22	1	5		60	XAYLAP	Vietnamese
12	VU DUC HOANG	P2	73	1	5		69	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN QUOC KHANH	P2	70-71	2	19		72	PSV	Vietnamese
14	PHAM HONG DIEN	P2	65	1	3		66	PSV	Vietnamese
15	DIU KIEU HANH	P2	68	1	5		78	PSV	Vietnamese
16	PHAM NGOC CUONG	P2	72	1	3		68	PSV	Vietnamese
17	BUI LONG HUNG	P2	69	1	4	40	64	PSV	Vietnamese
18	TRAN VAN DUC	P2	75	1	3		50	PSV	Vietnamese
19	HOANG QUOC LONG	P2	74	1	5		56	PSV	Vietnamese
20	LE XUAN DAM	P2	66-67	2	15		65	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN HAI TRUNG	P2	76	1	7		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	8	9	56	564	0	6		
2	BK6	3	6	34	210	81	0		
3	P2	10	12	69	648	40	16		
TOTAL		21	27	159	1.422	121	22		
WEIGHT KG				159	1.422	121			

GRAND TOAL: 1.702 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/07/2018	TO: P8 - RP2 - RP3	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:30
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Phong - TRƯỜNG - DTùng	ETA: 13:10
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN KIM CUƠNG	P8	58	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	LY THANH CHUƠNG	P8	54	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN BA HOANG	P8	53	1	2		62	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỒ VĂN MINH	P8	51	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN NGOC CHAN	P8	59	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TIEN SY	P8	60	1	9	50	76	XAYLAP	Vietnamese
7	HOANG NGOC ANH CHIEN	P8	64-65	2	10	35	66	XAYLAP	Vietnamese
8	LA TUAN LINH	P8	66-67	2	12		69	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN VIET LỘC	P8	61	1	11		58	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐẶNG THANG LONG	P8	62	1	14		75	XAYLAP	Vietnamese
11	VUONG MAI	P8	63	1	11		66	XAYLAP	Vietnamese
12	PHAM VAN ĐONG	P8	55-57	3	17		80	YTE	Vietnamese
13	NGUYEN TIEN VU	P8	52	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	DO VAN QUYET	RP2	64	1	2		82	HDONG	Vietnamese
15	KIEU VAN NGHIEP	RP2	62	1	10		56	HDONG	Vietnamese
16	NGUYEN VAN HAI	RP2	63	1	5		80	HDONG	Vietnamese
17	PHẠM QUANG THOM	RP2	61	1	5		68	HDONG	Vietnamese
18	NGUYEN VAN HA	RP2	66	1	10		60	HDONG	Vietnamese
19	NGUYEN HUU TIEN	RP2	65	1	7		65	HDONG	Vietnamese
20	NGUYEN XUAN HUNG	RP2	67	1	5		53	HDONG	Vietnamese
21	NGUYEN CHI LINH	RP2	68	1	6	35	70	HDONG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	13	17	109	887	85	14		
2	RP2	8	8	50	534	35	0		
3	RP3	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		21	25	159	1.421	120	22		
WEIGHT KG				159	1.421	120			

GRAND TOAL: 1.700 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/07/2018	TO: VSP01 - P5	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:35
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Thủy - HUNG - MQUÂN	ETA: 13:15
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BONDAREV D	VSP01	63	1	12	46	103	KH-THAC	Russian
2	ROMANOV S	VSP01	64	1	7		110	KH-THAC	Russian
3	TRUBOCHKIN A	VSP01	65	1	14		84	KH-THAC	Russian
4	LÊ VĂN LINH	VSP01	62	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM VAN DUC	VSP01	56-57	2	9		66	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN VAN SƠN	VSP01	58	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN CHAU	VSP01	59	1	2		59	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH TUNG	VSP01	60	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
9	HUYNH HAI	VSP01	61	1	5		92	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG ĐỨC ANH	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TIẾN TUỆ	P5	59-60	2	14		67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN CÔNG KHANH	P5	58	1	7		84	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG MỸ TRƯỜNG	P5	30	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HAI	P5	51	1	8		63	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN ĐOAN ĐOAN	P5	57	1	4		62	XAYLAP	Vietnamese
16	PHẠM DUY ĐỀN	P5	52	1	9		61	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN BÀ DIỆP	P5	56	1	12		80	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH THANG	P5	53	1	3		78	XAYLAP	Vietnamese
19	VŨ VĂN LINH	P5	61-62	2	18		71	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN TUẤN NGỌC	P5	54-55	2	15		57	XAYLAP	Vietnamese
21	VŨ HOANG LAM	P5	63-64	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	10	10	65	790	46	7		
2	P5	11	15	122	753	0	15		
TOTAL		21	25	187	1.543	46	22		
WEIGHT KG				187	1.543	46			

GRAND TOAL: 1.776 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/07/2018	TO: P3 - VSP01	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:40
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: LBinh - DUONG - Toan	ETA: 13:20
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DUONG QUANG TRUNG	P3	55	1	5		99	XAYLAP	Vietnamese
2	QUAN ĐỨC THẮNG	P3	56-57	2	12		57	NIPI	Vietnamese
3	VŨ QUỐC VƯƠNG	P3	53-54	2	14		76	XAYLAP	Vietnamese
4	BUI VĂN HUY	VSP01	13	1	9		66	ANTOAN	Vietnamese
5	GIA QUANG CUƠNG	VSP01	05	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG PHUC LUƠNG	VSP01					74	KH-THAC	Vietnamese
7	HUYNH TÂN DUNG	VSP01	14-15	2	11		91	KH-THAC	Vietnamese
8	LE SY KHOI	VSP01					78	KH-THAC	Vietnamese
9	LE THANH TUAN	VSP01					72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN ĐỨC THIÊN	VSP01	08	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN DUY ĐÔNG	VSP01	11	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HUU TOAN	VSP01	10	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN MANH TUAN	VSP01	04	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN QUOC TUAN	VSP01	02	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TRONG THUC	VSP01	01	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN THANH	VSP01	12	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN XUAN THUY	VSP01					67	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN THANH LOI	VSP01	17	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN THANH NAM	VSP01	03	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN VAN THUY	VSP01	16	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
21	TRINH TIEN BINH	VSP01	09	1	10		86	KH-THAC	Vietnamese
22	VU QUANG THANH	VSP01	06-07	2	10		67	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	3	5	31	232	0	0		
2	VSP01	19	17	96	1.364	0	22		
TOTAL		22	22	127	1.596	0	22		
WEIGHT KG				127	1.596	0			

GRAND TOAL: 1.723 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/07/2018	TO: AMD	AIRCRAFT: 420	ETD: 13:30
FLIGHT: XANH-4	FROM: VT	CREW: Phong - TRUONG - DTung	ETA: 15:10

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUU QUY DON	AMD	23	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
2	LA NGOC MANH (PVDT)	AMD	14	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG VAN SAU	AMD	15	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN KHAC CHINH	AMD	13	1	4	105	62	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN VAN THUY (PVDT)	AMD	19	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
6	LE VAN TU	AMD	26	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN DUC TRUNG	AMD	16	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN DINH CU	AMD	24-25	2	17		61	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM VIET DUC	AMD	31	1	17		63	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN TRUNG KIEN	AMD	21	1	8		90	KH-THAC	Vietnamese
11	VU VIET THANG	AMD	18	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM TUAN ANH	AMD	27-28	2	10		66	KH-THAC	Vietnamese
13	VU HUU CHINH	AMD	22	1	12		58	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN VINH	AMD	17	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese
15	DAO QUANG THIET	AMD	20	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN DAN	AMD	29	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
17	LUONG MINH PHUNG	AMD	35-36	2	20		60	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM VAN HUNG	AMD	33-34	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN CHI KIEN	AMD	30	1	10		57	KH-THAC	Vietnamese
20	HUYNH VAN CHINH	AMD	32	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	20	24	180	1.307	105	22		
	TOTAL	20	24	180	1.307	105	22		
	WEIGHT KG			180	1.307	105			

GRAND TOAL: 1.592 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐDĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 24/07/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD+RC3+RP3	7:25	7+0+15	0+0+0		2+4+16	0+0+0	
2		PVD2+CLO	7:25	21+1	0+0		21+1	0+0	
3		DD3+TD1+TD3	7:25	15+2+5	0+0+0		8+0+14	0+0+0	CHUYỂN 2 PAX TỪ TD1-TD3
4		BK4+BK3+PPD	9:25	2+4+13	0+0+0		1+2+19	0+0+0	CHUYỂN 4 PAX TỪ BK4-BK3
5		RP2+DD3	9:25	10+12	0+0		8+13	0+0	
6		P4+JS2	9:25	22+0	0+0		18+4	0+0	
7		P4+P7+P1	11:25	11+10+1	0+0+0		3+14+5	0+0+0	
8		TT1+TT2+PPD	11:25	8+4+9	0+0+0		0+0+22	0+0+0	

TTDDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/ TDS VỀ BỜ QUA GIÀN TD3; 2/HÀNG P4 NẾU CÓ THÌ GỬI TỪ CHUYÊN ĐÓT 2



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/07/2018	TO: PPD - RC3 - RP3	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Dũng - Phong - DTùng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE HONG DAI	PPD	49	1	5	65	72	D-HANH	Vietnamese
2	PHAN VAN THINH	PPD	44	1	5		75	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYEN QUANG THANG	PPD					71	D-HANH	Vietnamese
4	CHERNADEV	PPD	51-53	3	20		68	D-HANH	Russian
5	HOANG VAN TINH	PPD	50	1	6		74	D-HANH	Vietnamese
6	TRAN DUC QUANG	PPD	41	1	3		75	KHI	Vietnamese
7	PHAM NGOC HUNG	PPD	42-43	2	18		74	KHI	Vietnamese
8	SHEREMETIEV	RP3	10	1	9		81	D-HANH	Russian
9	REVIKIN V.N	RP3	14	1	10		103	KHI	Russian
10	HA VAN THUY	RP3	47	1	5		74	KHI	Vietnamese
11	LE NHU NGUYEN	RP3	12-13	2	12		59	KHI	Vietnamese
12	PHAM QUOC KHANH	RP3					87	KHI	Vietnamese
13	HOANG VAN HAI	RP3	48-49	2	10		65	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN VAN VINH	RP3	45	1	5		75	KHI	Vietnamese
15	NGO THANH LAM	RP3	96	1	2		72	KHI	Vietnamese
16	PALYSEV V.A	RP3	09	1	9		91	KHI	Russian
17	NGUYEN THANH TUNG	RP3					75	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN VIET KY	RP3	46	1	4		69	KHI	Vietnamese
19	NGO NGOC HAN	RP3	11	1	5		63	KHI	Vietnamese
20	LE VAN YEN	RP3	97	1	4		56	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN VAN BAU	RP3	44	1	5		62	ANTOAN	Vietnamese
22	FIRSOV	RP3	50	1	4		95	ANTOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	7	9	57	509	65	2		
2	RC3	0	0	0	0	40	4		
3	RP3	15	15	84	1.127	0	16		
TOTAL		22	24	141	1.636	105	22		
WEIGHT KG				141	1.636	105			

GRAND TOAL: 1.882 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/07/2018	TO: PVD2 - CLO	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: LBinh - MMinh - NNam	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	WAYNE ELSOM	PVD2	85-86	2	17		96	KHOAN	British
2	TRAN HUY NINH	PVD2	90	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
3	TRINH BA BINH	PVD2	97	1	7		82	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN TRONG THUAN	PVD2	99	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN HUU DAT	PVD2	77	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VAN DUNG	PVD2	92	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN DUC CHI	PVD2	96	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
8	VU VAN THUONG	PVD2	98	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VU HAI	PVD2	66	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM VAN TAN	PVD2	95	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
11	MAI DONG DUY	PVD2	94	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN THANH LONG	PVD2	93	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM VAN HUNG	PVD2	59	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
14	LE HONG THINH	PVD2	600	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	PHAM MINH HOA	PVD2	60	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
16	VU XUAN TIEN	PVD2	61	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
17	HOANG THANH THIEP	PVD2	89	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN DONG HAI	PVD2	91	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
19	LE LONG	PVD2	62	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN NAM HAI	PVD2	87-88	2	17		71	KHOAN	Vietnamese
21	NGO XUAN DUONG	PVD2	83-84	2	17		75	KHOAN	Vietnamese
22	SADOVNICHENKO	CLO	52	1	10	20	92	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	21	24	148	1.478	0	21		
2	CLO	1	1	10	92	20	1		
TOTAL		22	25	158	1.570	20	22		
WEIGHT KG				158	1.570	20			

GRAND TOAL: 1.748 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/07/2018	TO: DD3 - TD1 - TD3	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Hạnh - KHAI - Toan	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN HIEU	DD3	33	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
2	BUI TRONG TOAN	DD3	34-35	2	13		75	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN TIEN DUNG	DD3	86	1	6	15	78	VSP	Vietnamese
4	NAGENDRA SINGH	DD3	95-96	2	12		72	KHOAN	Indian
5	MANISH CHAUHAN	DD3	94	1	7		71	KHOAN	Indian
6	CHERSON CHERIYAN	DD3	90	1	5		87	KHOAN	Indian
7	CHEZHIAN KRISHNASAMY	DD3	91	1	7		81	KHOAN	Indian
8	ASHISH PARDHY	DD3	97-98	2	12		100	KHOAN	Indian
9	MEIYAPPAN MUTHURAMALINGAM	DD3	92-93	2	15		72	KHOAN	Indian
10	FAHRUL ROZI	DD3	84-85	2	14	62	65	KHOAN	Indonesian
11	VIVEK MATHIALAGAN	DD3	99,900	2	15		76	KHOAN	Indian
12	LE MINH NHUT	DD3	89	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN TUAN DUNG	DD3	83	1	6		84	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN THANG	DD3	82	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN QUOC VIET	DD3	88	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
16	KOPILOV	TD1	76	1	8		91	KHOAN	Russian
17	BUI VAN THOM	TD1	98-99	2	7		50	KHOAN	Vietnamese
18	VU VAN TRUNG	TD3	21	1	11		73	DVL	Vietnamese
19	TRUONG QUOC THANG	TD3	23	1	15		85	DVL	Vietnamese
20	TRAN QUOC HUY	TD3	22	1	6		81	DVL	Vietnamese
21	PHAM VAN Y	TD3	24	1	12	60	78	DVL	Vietnamese
22	BUI LE TRONG HOA	TD3	20	1	5		70	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	DD3	15	21	130	1.135	77	8		
2	TD1	2	3	15	141	0	0	2	CHUYEN 2 PAX TDISANG TD3
3	TD3	5	5	49	387	60	14		
TOTAL		22	29	194	1.663	137	22		
WEIGHT KG				194	1.663	137			

GRAND TOAL: 1.994 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/07/2018	TO: BK4 - BK3 - PPD	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:30
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Dũng - Phong - DTùng	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN KIM	BK4	74-75	2	16	55	59	XAYLAP	Vietnamese
2	PHẦN XUÂN HUY	BK4	73	1	15		62	XAYLAP	Vietnamese
3	VÕ CHI THANH	BK3	65	1	9	40	76	DVL	Vietnamese
4	PHẠM HỒNG QUY	BK3	63	1	10		70	DVL	Vietnamese
5	KRAVSOV ALEXSANDR	BK3	64	1	7		75	DVL	Russian
6	NGUYỄN VĂN LINH	BK3	62	1	5		67	PSV	Vietnamese
7	DUONG CHI TUYEN	PPD	56	1	3		68	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN NAM	PPD	57	1	3		76	KHI	Vietnamese
9	VÕ VĂN QUYÊN	PPD	54	1	5		69	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN VIỆT ĐẠI	PPD					74	KHI	Vietnamese
11	TRỊNH VĂN CUÔNG	PPD	58	1	6		69	KHI	Vietnamese
12	TRẦN SƠN TOÀN	PPD	59	1	7		72	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN QUANG	PPD	63	1	5		66	KHI	Vietnamese
14	NGO SỸ THANH	PPD	65	1	5		81	KHI	Vietnamese
15	ĐỖ VĂN TUẤN	PPD	64	1	5	42	76	KHI	Vietnamese
16	NGO XUÂN HUƠNG	PPD	62	1	4		76	KHI	Vietnamese
17	TRẦN LÊ RĂNG	PPD	60	1	8		87	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN MINH HOANG	PPD	55	1	5		71	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN ANH TỬ	PPD	61	1	12		77	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	2	3	31	121	55	1	4	CHUYỂN 4 PAX BK4 SANG BK3
2	BK3	4	4	31	288	40	2		
3	PPD	13	12	68	962	42	19		
TOTAL		19	19	130	1.371	137	22		
WEIGHT KG				130	1.371	137			

GRAND TOAL: 1.638 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/07/2018	TO: RP2 - DD3	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:35
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: LBinh - MMinh - NNam	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUY HAI	RP2	50-51	2	17		96	XAYLAP	Vietnamese
2	TRAN XUAN LOC	RP2	53-54	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
3	PHAN VAN DUONG	RP2	55	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
4	TRAN MANH HUNG	RP2	56	1	17		70	XAYLAP	Vietnamese
5	LE HONG CUONG	RP2	57-58	2	17		72	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN THUY	RP2	59-60	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN ANH TUAN	RP2	47	1	7		75	TECMACH	Vietnamese
8	NGUYEN THANH TRUNG	RP2	49	1	10		65	TECMACH	Vietnamese
9	TRINH PHAM THANH	RP2	46	1	5		62	TECMACH	Vietnamese
10	NGUYEN MINH THAI	RP2	52	1	5		72	XAYLAP	Vietnamese
11	TRAN XUAN VU	DD3					80	KHOAN	Vietnamese
12	BUI TUAN VU	DD3	45	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
13	DO ANH TUAN	DD3	46	1	5	75	67	KHOAN	Vietnamese
14	KHUAT MINH VINH	DD3	43	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN MAU SON	DD3	53	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
16	CHATCHAI CHOTNOI	DD3	54-56	3	17		75	KHOAN	Thailand
17	NGUYEN DUC THANG	DD3	51-52	2	17		75	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN CONG BINH	DD3	41-42	2	15		70	KHOAN	Vietnamese
19	DUONG THAI SON	DD3	50	1	12		72	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN HUNG DUNG	DD3	49	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
21	BUI HUY BANG	DD3	47-48	2	15		65	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN SY DUY	DD3	44	1	5		71	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	10	14	122	702	0	8		
2	DD3	12	16	111	850	75	13		
TOTAL		22	30	233	1.552	75	21		
WEIGHT KG				233	1.552	75			

GRAND TOAL: 1.860 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/07/2018	TO: P4 - JS2	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Hạnh - KHÁI - Toan	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ZAGYDAEV V.E	P4	69	1	5		75	KHI	Russian
2	NGUYEN VAN NAM	P4	12	1	5		60	KHI	Vietnamese
3	NGUYEN QUANG HA	P4	299	1	8		70	KHI	Vietnamese
4	LE VAN MANH	P4	800	1	8		80	KHI	Vietnamese
5	TRAN ĐAI	P4	99	1	7		73	KHI	Vietnamese
6	TRAN VAN PHUC	P4	13	1	6		72	KHI	Vietnamese
7	DUONG DINH HIEN	P4	15	1	8		70	KHI	Vietnamese
8	LE QUANG VINH	P4	200	1	7	110	65	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN VAN THINH	P4	799	1	5		75	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN NGOC HAI	P4	50,32	2	8		90	KHI	Vietnamese
11	DUONG TRUNG CHUONG	P4	70	1	5		73	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN VAN HAI	P4	94-95	2	10		70	KHI	Vietnamese
13	TRAN BA THANH	P4	14	1	5		72	KHI	Vietnamese
14	LE VAN TRIEU	P4	66	1	5		72	KHI	Vietnamese
15	ANSEROV V	P4					82	KH-THAC	Russian
16	KOSOLAPOV V.A	P4	98	1	5		115	KH-THAC	Russian
17	NGUYEN NGOC AN	P4	050	1	18		75	XAYLAP	Vietnamese
18	PHAM CONG PHU	P4	65	1	5		68	NIPI	Vietnamese
19	PHAM HONG QUANG	P4	67	1	6		60	NIPI	Vietnamese
20	ĐẬU ĐỨC VÕ HUYNH	P4	68	1	5		70	NIPI	Vietnamese
21	NGUYEN VAN DUNG	P4	77	1	5		68	NIPI	Vietnamese
22	NGUYEN VAN VU	P4	93	1	5		72	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	22	23	141	1.627	110	18		
2	JS2	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	23	141	1.627	110	22		
WEIGHT KG				141	1.627	110			

GRAND TOAL: 1.878 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/07/2018	TO: P4 - P7 - P1	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:30
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Phong - XHOÀN - DTùng	ETA: 13:10
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HUYNH TÂN THỊNH	P4	80	1	7		80	NIPI	Vietnamese
2	NGUYEN CAO VINH	P4	81	1	5		50	NIPI	Vietnamese
3	PHAM HAI LONG	P4	79	1	10		80	NIPI	Vietnamese
4	TRAN ANH NGUYEN	P4	96	1	10		70	NIPI	Vietnamese
5	LE TUNG LAM	P4	78	1	5		70	PSV	Vietnamese
6	LE TIEN DUNG	P4	84-85	2	15		70	PVGAS	Vietnamese
7	CHU ANH TUAN	P4	82-83	2	12	35	63	PVGAS	Vietnamese
8	NGUYEN DUY DAN	P4	86-87	2	10		75	PVGAS	Vietnamese
9	HO DIEN BAO	P4	89-90	2	12		70	PVGAS	Vietnamese
10	BUI SONG TOAN	P4	88	1	5		75	PVGAS	Vietnamese
11	LUU MINH ĐỨC	P4	91-92	2	12		65	PVGAS	Vietnamese
12	ĐAO QUỐC HUNG	P7	83	1	17		62	XAYLAP	Vietnamese
13	TRAN VAN HE	P7	78-79	2	12		65	XAYLAP	Vietnamese
14	BUI VAN THỊNH	P7	76	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN DINH PHONG	P7	74-75	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
16	TRAN VAN THAI	P7	81-82	2	12		64	XAYLAP	Vietnamese
17	DANG NGOC CUONG	P7	85	1	10		80	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN VAN HOAN	P7	80	1	10		80	XAYLAP	Vietnamese
19	TRAN HUU MINH	P7	73	1	12		80	XAYLAP	Vietnamese
20	VO VAN HIEP	P7	84	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
21	LE VAN TUNG	P7	77	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
22	VU XUAN QUY	P1	84	1	12	15	100	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	11	16	103	768	35	3		
2	P7	10	13	120	701	0	14		
3	P1	1	1	12	100	15	5		
TOTAL		22	30	235	1.569	50	22		
WEIGHT KG				235	1.569	50			

GRAND TOAL: 1.854 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/07/2018	TO: TTC1 - TTC2 - PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:35
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: L.Binh - DUONG - N.Nam	ETA: 13:15
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CAO VAN GIAP	TTC1	40	1	10	35	80	XAYLAP	Vietnamese
2	LE NGOC CUONG	TTC1	35	1	10		66	XAYLAP	Vietnamese
3	PHAM VAN TAN	TTC1	34	1	9		68	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN CAO TRI	TTC1	38-39	2	10		73	XAYLAP	Vietnamese
5	DO TIEN MANH	TTC1	32-33	2	20		73	XAYLAP	Vietnamese
6	VU DINH DAI	TTC1	30-31	2	19		67	XAYLAP	Vietnamese
7	PHAM TIEN DANG	TTC1	36-37	2	15		51	XAYLAP	Vietnamese
8	PHAM VAN CHINH	TTC1	29	1	9		72	XAYLAP	Vietnamese
9	GLYBOVSKI ANATOLI	TTC2	34	1	8		79	KH-THAC	Russian
10	TRAN VAN CHANH	TTC2	35	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN TUAN ANH	TTC2	37	1	6	30	80	KH-THAC	Vietnamese
12	DANG DUC THUAN	TTC2	36	1	10		79	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN VAN NAM	PPD	24	1	5	25	67	KHI	Vietnamese
14	TRAN NGUYEN TAN TAI	PPD	99	1	7		94	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN NGOC KHUYEN	PPD	600	1	5	21	75	KHI	Vietnamese
16	LY XUAN TRUNG	PPD	25-26	2	14		69	YTE	Vietnamese
17	PHAN VAN THANG	PPD	28	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	LE NGOC SON	PPD	29	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
19	VU VAN THO	PPD	27	1	14		74	KH-THAC	Vietnamese
20	OKOVANSEV	PPD	97	1	8	17	114	KHI	Russian
21	LE TRUNG LAN	PPD	23	1	5		84	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	8	12	102	550	35	0		
2	TTC2	4	4	32	303	30	5		
3	PPD	9	10	67	719	63	17		
TOTAL		21	26	201	1.572	128	22		
WEIGHT KG				201	1.572	128			

GRAND TOAL: 1.901 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN